

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 103/2020/TLST- DSST ngày 06/8/2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số ... Ng, phường T, quận H, H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cảnh T.

Bị đơn: + Anh Phạm Văn Ng, sinh năm 1978.

+ Chị Đỗ Thị Phương L, sinh năm 1983.

Đầu ĐKKH: Tổ ... (cũ là tổ ...), phường N, quận C, H

Đầu trú tại: P..., V..., CT..., KĐT mới V..., phường P, quận H, TP. H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Nhật M, sinh ngày 31/5/2007 (con của anh N, chị L)

Trú tại: P..., V..., CT..., KĐT V, P. P, quận H, H.

Đại diện hợp pháp của cháu Phạm Nhật M là anh Phạm Văn N và chị Đỗ Thị Phương L (là bố mẹ đẻ của cháu M); đầu ở: P..., V..., CT..., KĐT mới V, phường P, quận H, TP. H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phạm Văn N và chị Đỗ Thị Phương L xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số 45/2018/HĐTD/PVB-CNĐĐA ngày 18/05/2018 và Hợp đồng thế tín dụng số 10462265/20180103/TTD/DDA ngày 03/01/2018 với Ngân hàng TMCP Đ.

Anh Phạm Văn N và chị Đỗ Thị Phương L xác nhận tạm tính đến ngày 10/8/2020 ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị Phương L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 943.740.980 đồng trong đó tiền nợ gốc 783.146.892 đồng; tiền nợ lãi là 160.594.088 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 45/2018/HĐTD/PVB-CNĐĐA ngày 18/05/2018 anh N, chị L nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 881.155.891 đồng trong đó tiền nợ gốc là: 733.146.892 đồng; tiền nợ lãi là: 148.008.999 đồng;

+ Hợp đồng thế tín dụng anh N, chị L nợ Ngân hàng TMCP Đ là: 62.585.089 đồng trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng; tiền lãi là 12.585.089 đồng;

Anh Phạm Văn N và chị Đỗ Thị Phương L cam kết trả số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ theo lộ trình cụ thể như sau:

+ Ngày 30/9/2020 tất toán dư nợ thế hợp đồng thế tín dụng số 10462265/20180103/TTD/DDA ngày 03/01/2018 (tạm tính đến ngày 10/8/2020 số dư nợ của hợp đồng là 62.585.089 đồng trong đó gốc là 50.000.000 đồng; lãi là 12.585.089 đồng)

+ Ngày 30/10/2020 thanh toán trả 50.000.000 đồng nợ gốc ;

+ Ngày 30/11/2020 thanh toán trả 50.000.000 đồng nợ gốc;

+ Ngày 30/12/2020 thanh toán trả 50.000.000 đồng nợ gốc;

+ Ngày 29/01/2021 thanh toán trả 50.000.000 đồng nợ gốc;

+ Ngày 26/2/2021 thanh toán trả nốt tiền nợ gốc còn lại và lãi phát sinh.

Kể từ ngày 11/8/2020 anh N, chị L tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Trường hợp anh Phạm Văn N và chị Đỗ Thị Phương L vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư số ..., tòa nhà V...-CT..., KĐT mới V, diện tích sàn là 113,2 m² tại Thửa đất số: CT..; Tờ bản đồ số: địa chỉ thửa đất: CT..., khu đô thị mới V, phường P, quận H, thành phố H; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 199844, sổ vào sổ cấp GCN: CS 51500 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 26/12/2017 cho bà Đỗ Thị Phương L và ông Phạm Văn N theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 03527.2018/HĐTC; quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/05/2018 tại Văn phòng công chứng Đ để thu hồi nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản là Căn hộ chung cư số ..., tòa nhà V...-CT., KĐT mới V..., diện tích sàn là 113,2 m² tại Thửa đất số: CT.; Tờ bản đồ số: địa chỉ thửa đất: CT..., khu đô thị mới V, phường P, quận H, thành phố H; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 199844, số vào sổ cấp GCN: CS 51500 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 26/12/2017 cho bà Đỗ Thị Phương L và ông Phạm Văn N theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 03527.2018/HĐTC; quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/05/2018 tại Văn phòng công chứng Đ để đảm bảo thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh N, chị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thừa thì phải trả lại cho chủ tài sản.

- Về án phí: Anh N, chị L tự nguyện nộp cả tiền án phí là 20.156.115 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 19.553.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA DS quận Hà Đông;
- Các đ-ơng sự
- L- u hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Thẩm phán

Nguyễn Thị Kiểm